

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 195/1999/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 1999

QUYẾT ĐỊNH

Về việc lập, sử dụng và quản lý Quỹ hỗ trợ xuất khẩu

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Quỹ hỗ trợ xuất khẩu để hỗ trợ, khuyến khích, đẩy mạnh việc xuất khẩu hàng hoá, mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng sức cạnh tranh hàng xuất khẩu Việt Nam.

Quỹ hỗ trợ xuất khẩu do Bộ Tài chính quản lý và mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước.

Điều 2. Quỹ hỗ trợ xuất khẩu được hình thành từ các nguồn:

- Khoản thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu, xuất khẩu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Nguyên tắc, nội dung thu chênh lệch giá được quy định tại Điều 3 Quyết định này.
- Ngân sách Nhà nước cấp bổ sung hàng năm.
- Lệ phí cấp hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.
- Lệ phí cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá.
- Lệ phí cấp giấy phép đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện các tổ chức kinh tế tại Việt Nam, mở chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam.
- Đóng góp của các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu đối với mặt hàng có chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu nhưng chưa áp dụng chế độ thu chênh lệch giá. Bộ Tài chính, Bộ Thương mại quy định cụ thể nguồn thu này.

7. Các khoản thu từ các nguồn khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Trước mắt, chuyển toàn bộ số dư còn lại của Quỹ bình ổn giá và nguồn phụ thu đối với những mặt hàng đang thực hiện phụ thu vào Quỹ bình ổn giá theo Quyết định số 151/TTg ngày 12 tháng 4 năm 1993, Quỹ thường xuất khẩu theo Quyết định số 764/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 1998 để làm vốn ban đầu của Quỹ hỗ trợ xuất khẩu.

Điều 3. Nguồn thu chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu được xác định như sau:

1. Đối với hàng nhập khẩu là chênh lệch giữa giá bán trong nước được thị trường chấp nhận với giá vốn hàng nhập khẩu, bao gồm giá nhập khẩu thực tế có tính đủ chi phí vận tải, phí bảo hiểm đến cảng nhập khẩu, thuế nhập khẩu theo luật định và chi phí lưu thông.

2. Đối với hàng xuất khẩu là chênh lệch giữa giá xuất khẩu thực tế không bao gồm chi phí vận tải, phí bảo hiểm với giá vốn hàng xuất khẩu, bao gồm giá mua thực tế, thuế xuất khẩu theo luật định và phí lưu thông trong nước.

3. Khoản chênh lệch giá được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) đối với từng mặt hàng, nếu là hàng nhập khẩu là tỷ lệ (%) giữa phần chênh lệch giá phát sinh với giá nhập khẩu thực tế, bao gồm cả phí vận chuyển ngoài nước, phí bảo hiểm về đến cảng nhập khẩu. Nếu là hàng xuất khẩu là tỷ lệ % giữa phần chênh lệch giá phát sinh đối với giá xuất khẩu thực tế tại cảng xuất khẩu, không tính chi phí ngoài nước.

4. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu vào khu chế xuất; thiết bị vật tư hàng hoá nhập khẩu theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; hàng xuất khẩu, nhập khẩu để làm hàng mẫu, quảng cáo, dự hội chợ triển lãm; hàng viện trợ hoàn lại và không hoàn lại; hàng là quà biếu, hàng hoá và hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh không phải nộp khoản chênh lệch giá theo Quyết định này.

Bộ Tài chính bàn với Ban Vật giá Chính phủ hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Điều này.

Điều 4. Quỹ hỗ trợ xuất khẩu được sử dụng vào các mục đích:

1. Hỗ trợ toàn bộ, hoặc một phần lãi suất vay vốn ngân hàng để mua hàng nông sản xuất khẩu khi giá cả thị trường thế giới giảm không có lợi cho sản xuất trong nước;